

DANH MỤC XIN THẨM ĐỊNH GIÁ
GÓI THẦU: MUA SẮM HÓA CHẤT, SINH PHẨM, VẬT TƯ Y TẾ NĂM 2022

TT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Quy cách	Số lượng	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Phân nhóm theo Thông tư 14/BYT	Đơn giá kế hoạch có VAT	Thành tiền	Ghi chú
1	Băng keo cá nhân	Miếng		2,500	Băng vải co giãn,kích thước 2x6 cm	6	357	892,500	
2	Băng keo vải	Cuộn		5	kích thước 48mm 10m	6	55,000	275,000	
3	Bao cao su	Cái		2,500	Bao cao su không màu, trong mờ, trơn không bị xì, rách; Chiều dài: ≥ 165 mm , chiều rộng: 49 ± 2 mm đến $52 \text{mm} \pm 2$ mm	6	2,447	6,117,500	
4	Bình định mức thủy tinh 200ml	Cái		10	Thủy tinh chịu nhiệt tốt	6	540,000	5,400,000	
5	Bình tam giác cổ mài không nắp.	Cái		10	Bình thủy tinh cổ mài không nắp, 29/32, 100 ml	6	324,000	3,240,000	
6	Bộ lọc chân không thủy tinh dùng cho lọc vi sinh	Bộ	bộ	2	Thủy tinh chịu nhiệt tốt (phễu lọc đường kính 47mm, chân đế, kẹp giữ, nút silicon, bình chứa sau lọc)	6	9,720,000	19,440,000	
7	Bộ phân phối dung môi DISPENSER 1-10ml	Bộ		2	1-10ml, vạch chia 0.2ml	6	18,500,000	37,000,000	
8	Bơm định liều	cái		2	thể tích bơm 1-10ml, bước điều chỉnh 0,25ml	3	10,899,000	21,798,000	
9	Bơm kim tiêm 5 ml	cây		6,300	Loại kim 25Gx5/8, sử dụng 1 lần	5	810	5,103,000	
10	Bơm kim tiêm 5 ml	chiếc		100	Loại kim 23x1", sử dụng 1 lần	5	810	81,000	
11	Bơm kim tiêm 1ml	chiếc		100	Loại kim 26G x 1/2, sử dụng 01 lần	5	750	75,000	
12	Bơm tiêm 0,1ml	Cái		15,000	Bơm tiêm làm bằng nhựa dùng 01 lần Dung tích bơm tiêm là 0,1 ml Cỡ kim 27G 3/8" Bơm tiêm phải có tính năng tự khóa	Không phân nhóm	2,900	43,500,000	

13	Bơm tiêm 0,5ml	Cái		198,560	Bơm tiêm làm bằng nhựa dùng 01 lần Dung tích bơm tiêm là 0,5 ml Cỡ kim 25Gx1" Bơm tiêm phải có tính năng tự khóa	Không phân nhóm	1,805	358,400,800	
14	Bơm kim tiêm 5ml	Cái		20,000	Bơm tiêm làm bằng nhựa dùng 01 lần Dung tích bơm tiêm là 5 ml Cỡ kim 22G 1 1/2	5	810	16,200,000	
15	Bông y tế thấm nước	kg		8	Dạng bông, được xếp thành ống hình trụ, không màu, không có sợi nào bị nhuộm màu	5	173,250	1,386,000	
16	Buret 25ml	Cái		2	dung tích 25ml, vạch chia nhỏ nhất 0,05ml	6	2,500,000	5,000,000	
17	Cọ lông mềm rửa dụng cụ lớn	Cái		20	rửa dụng cụ ống đong chai lọ lớn dài 40cm	6	55,000	1,100,000	
18	Cọ lông mềm rửa dụng cụ nhỏ	Cái		20	rửa ống nghiệm dài 20cm	6	55,000	1,100,000	
19	Cồn 70 độ	lít		88	Thành phần Ethanol 70%, chai 1 lít	5	37,000	3,256,000	
20	Cồn 90 độ	Chai		120	Ethanol 90 độ, chai 1 lít	5	29,000	3,480,000	
21	Đầu cone vàng	cái		4,000	Thể tích hút từ 5-200µl	6	84	336,000	
22	Đầu cone xanh	cái		2,000	Thể tích hút từ 100-1000µl	6	110	220,000	
23	Đầu tip có lọc 10µL	cái		768	Thể tích hút từ 10µl, đầu typ có lọc, tiết trùng	6	1,530	1,175,040	
24	Đầu tip có lọc 200µL	cái		384	Thể tích hút từ 200µl, đầu typ có lọc, tiết trùng	6	1,700	652,800	
25	Đầu tip có lọc1000µL	Cái		384	Thể tích hút từ 1000µl, đầu typ có lọc, tiết trùng	6	1,860	714,240	
26	Đĩa petri thủy tinh	Hộp	hộp/ 10đĩa	10	Thủy tinh chịu nhiệt tốt, 60x15mm	6	495,000	4,950,000	
27	Dung dịch sát khuẩn tay khô	chai		50	Thành phần chính là Ethanol, chai 500 ml	Không phân nhóm	95,000	4,750,000	
28	Dung dịch sát khuẩn chứa Iod	chai		3	Thành phần chính là povidone-iodine 10%,Chai 500 ml	5	200,000	600,000	
29	Dung dịch Sodium thiosulfate 0,1N	ống		2	Nồng độ 0.1000 mol/l	Không phân nhóm	990,000	1,980,000	
30	Eriochrome Black T	Chai	chai 10g	1	Loss on drying (110 ⁰ C) <=7%	Không phân nhóm	1,650,000	1,650,000	
31	Găng tay cao su y tế các cỡ	Đôi		1950	Chiều dài: 240 mm, chiều rộng: 95 (±3mm)# size M, không bột, chỉ tay se viền, chưa tiết trùng	6	3,200	6,240,000	
32	Găng tay cao su y tế các cỡ	Đôi		1300	Chiều dài: 240 mm, chiều rộng: 95 (±3mm)# size M, có bột, chỉ tay se viền	5	1,800	2,340,000	
33	Găng tay phẫu thuật tiết trùng các cỡ	Đôi		800	Tiết trùng, không bột talc	5	5,250	4,200,000	
34	Giấy y tế	kg		50	KT 40 x 50 cm, trọng lượng 1 kg	Không phân nhóm	38,000	1,900,000	
35	Gòn se viên	kg		3	loại bông viên, bịch 1 kg, phi 1.5cm	5	169,050	507,150	

36	Hộp an toàn	Cái		4,000	1.Chất liệu là carton ép. Mặt ngoài hộp không thấm nước. 2.Dung tích 5 lít. 3.Độ dày của thành hộp ít nhất từ $\geq 1,4$ mm.	Không phân nhóm	11,500	46,000,000	
37	Kháng nguyên Dengue NS1 Ag	Test		100	Độ nhạy $\geq 95\%$ Độ đặc hiệu $\geq 95\%$	không phân nhóm	46,200	4,620,000	
38	Khẩu trang than hoạt tính	Cái		1000	4 lớp	6	1,260	1,260,000	
39	Khẩu trang y tế	cái		11,000	4 lớp	6	800	8,800,000	
40	Lam kính nhám	Miếng		2,808	Kích thước: 25.4 x 76.2 (mm) - Độ dày: 1.2 mm	6	296	831,168	
41	Màng lọc chưa tiết trùng Ø 47 mm (Kích thước lỗ lọc 1 µm)	miếng	Hộp 100 miếng	100	Chưa tiết trùng Ø 47 mm (Kích thước lỗ lọc 1 µm)	Không phân nhóm	13,200	1,320,000	
42	Màng lọc tiết trùng vi sinh Ø 47 mm (Kích thước lỗ lọc 0,2 µm)	miếng	Hộp 100 cái	500	Màng lọc tiết trùng, Ø 47 mm, lỗ lọc 0,2 µm	Không phân nhóm	16,500	8,250,000	
43	Màng lọc tiết trùng vi sinh Ø 47 mm (Kích thước lỗ lọc 0,45 µm)	miếng	Hộp 100 cái	1000	Màng lọc tiết trùng, Ø 47 mm, lỗ lọc 0,45 µm	không phân nhóm	9,900	9,900,000	
44	Máy đo Chlorine tự do và Chlorine tổng	Bộ		1	Đo Chlorine tự do và Chlorine tổng, thang đo : 0.00 – 5.00 mg/l, Độ phân giải: 0.01mg/l, Độ chính xác: $\pm 3\%$.	không phân nhóm	13,200,000	13,200,000	
45	Máy đo huyết áp điện tử	cái		3	Dùng đo huyết áp bắp tay • Dải đo huyết áp Tâm thu (60 - 255 mmHg), Tâm trương (30 - 195 mmHg) • Dải đo nhịp tim 40 - 199 nhịp/phút • Độ chính xác huyết áp ± 3 mmHg. • Độ chính xác nhịp tim $\pm 4\%$	6	1,029,000	3,087,000	
46	Máy quét mã vạch	cái		4	Máy quét mã vạch laser cầm tay có dây, dùng để đọc mã vạch	không phân nhóm	4,400,000	17,600,000	
47	Nhiệt kế hồng ngoại đo nhiệt độ mẫu	Cái		1	Nhiệt độ từ (-30) đến (210) độ C, độ phân giải 0.1 độ C	không phân nhóm	5,500,000	5,500,000	
48	Nước cất 2 lần	Lít		30		Không phân nhóm	14,960	448,800	
49	Nước muối sinh lý 0,9%	chai		16	Dung dịch dạng lỏng không màu trong suốt, mục đích tưới rửa phẫu thuật (sắt khuẩn), chai 500 ml	5	12,000	192,000	
50	Ống nghiệm 5 ml có nắp	ống		6,400	Loại ống nhựa đựng máu xét nghiệm	Không phân nhóm	357	2,284,800	
51	Ống nước tiểu	Ống		150	Thể tích 10 ml, 1.6cmx10cm	6	924	138,600	
52	Ống Tube nắp vặn 1.5ml	túi		1	Chia vạch ngoài, túi 500 cái	không phân nhóm	320,000	320,000	

53	Phích bảo quản vắc xin	Cái		50	- Có khả năng giữ nhiệt bên trong từ +2 độ C đến +8 độ C tối thiểu 30 giờ tại nhiệt độ môi trường + 43 độ C khi sử dụng bình tích lạnh đã rã đông. - Dung tích chứa vắc xin: từ 1.5 -2.8 lít - Có tay cầm hoặc dây đeo gắn với thân phích, có bộ phận khóa nắp - Độ dày lớp cách nhiệt 25-40 mm "- Có miếng xốp dày kín khít phía trên, dày khoảng 2.5 cm và có đường rạch nhỏ để có thể cài lọ vắc xin	Không phân nhóm	4,500,000	225,000,000	
54	pH-indicator paper pH 1-14	cuộn	cuộn 4.8m	2	With colour scale pH 1-2-3-4-5-6-7-8-9-10-12-14	Không phân nhóm	550,000	1,100,000	
55	Pipet thủy tinh	Cái		10	Dung tích 20ml vạch chia nhỏ nhất 0.1ml, thủy tinh chịu nhiệt tốt	6	350,000	3,500,000	
56	Quả bóp cao su	Cái		20	Đóng gói rời mỗi cái, đường kính 45 mm	6	80,000	1,600,000	
57	Que đũa lưỡi	cái		500	Bảng gỗ, tiết trùng	5	500	250,000	
58	Que gỗ lấy bệnh phẩm Pap'smear	Que		1,400	Làm bằng gỗ, 2 đầu: 1 đầu tù lớn, 1 đầu tù nhỏ ; KT: 180 x 18 x 2 mm	6	1,200	1,680,000	
59	Que thử đường huyết + kim lấy máu (Nhà thầu chịu trách nhiệm đặt máy thử đường huyết, số lượng máy tối đa là 20 cái)	Bộ (que + kim)		4,000	Dải đo: $\geq 20 \sim 630\text{mg/dL}$	4	5,900	23,600,000	
60	Test nhanh Heroin	test		2,800	Độ nhạy $\geq 99\%$, Độ đặc hiệu $\geq 99\%$, Test thử phát hiện sử dụng chất gây nghiện Heroin trong nước tiểu	5	26,800	75,040,000	
61	Test nhanh HIV	test		6,800	Độ nhạy $\geq 99,5\%$, Độ đặc hiệu $\geq 98\%$, có trong danh mục được Bộ Y tế cấp phép lưu hành.	6	35,750	243,100,000	
62	Test nhanh Methamphetamine	test		2,500	Độ nhạy $\geq 99\%$, Độ đặc hiệu $\geq 99\%$, Test thử phát hiện sử dụng chất gây nghiện Methamphetamine (ma túy đá)	5	12,800	32,000,000	
63	Test xét nghiệm Elisa Dengue IgM	Bộ	Bộ/96 kit	6	Độ nhạy $\geq 95\%$ Độ đặc hiệu $\geq 95\%$	không phân nhóm	6,516,000	39,096,000	

64	Trang phục chống dịch	Bộ		320	Gồm bộ quần, áo phòng chống dịch liền mũ và bao giấy, khẩu trang, găng tay, kính bảo hộ hoặc tấm chắn chống giọt bắn, tất cả được đựng trong túi nilon hàn kín. - Màu sắc: trắng hoặc xanh. - Hàng tiết trùng Cấp độ 2	6	30,000	9,600,000	
65	Xét nghiệm viêm gan siêu vi B (HBsAg)	test		100	Độ nhạy > 99%, độ đặc hiệu >99%	6	15,800	1,580,000	
66	Xét nghiệm viêm gan siêu vi C	test		100	Độ nhạy > 99%, độ đặc hiệu >99%	5	14,595	1,459,500	
67	Acid acetic 100%	Chai	chai 1lít	8	Độ tinh khiết >= 99.8%	Không phân nhóm	950,000	7,600,000	
68	Acid sulfuric	Chai	chai 1lit	2	Độ tinh khiết 95.0-97.0%	Không phân nhóm	880,000	1,760,000	
69	Amonium chloride	Chai	Chai 500g	1	Độ tinh khiết >= 99.8%	Không phân nhóm	1,800,000	1,800,000	
70	Chlorine test	Bộ		1	Bộ Chlorine test có đĩa so màu: thang đo 0,1 – 0,2 – 0,3 – 0,4 – 0,6 – 0,8 – 1,0 – 1,5 – 2,0 mg/l Cl2.	Không phân nhóm	11,000,000	11,000,000	
71	Chromogenic Coliform Agar (CCA)	Chai	Chai 500g	2	Dạng hạt to, pH (25°C) 6.6-7.0	Không phân nhóm	13,200,000	26,400,000	
72	Dung dịch chuẩn amoni	Chai	chai 500ml	1	Nồng độ amoni 1000±2mg/l	Không phân nhóm	2,200,000	2,200,000	
73	Dung dịch chuẩn mangan	Chai	chai 500ml	1	Nồng độ mangan 1000±2mg/l	Không phân nhóm	2,200,000	2,200,000	
74	Dung dịch chuẩn nitrat	Chai	chai 500ml	1	Nồng độ nitrat 1000 ± 5mg/l	Không phân nhóm	2,200,000	2,200,000	
75	Dung dịch chuẩn nitrit	Chai	chai 500ml	1	Nồng độ nitrit 999mg/l -1000mg/l	Không phân nhóm	2,200,000	2,200,000	
76	Dung dịch chuẩn sunfat	Chai	chai 500ml	1	Nồng độ sunfat 1000±2mg/l	Không phân nhóm	2,200,000	2,200,000	
77	Hydrogen peroxyt 30%	Chai	chai 250ml	1	Độ tinh khiết >= 30%	Không phân nhóm	1,100,000	1,100,000	
78	Hydroxylamonium Chlorure	Chai	Chai 250g	1	Độ tinh khiết >= 99%	Không phân nhóm	3,300,000	3,300,000	
79	Mercury(II) iodide red	Chai	Chai 250g	1	Độ tinh khiết >= 99.3%	Không phân nhóm	6,600,000	6,600,000	
80	Methylene blue	Chai	chai 10g	1	Loss on drying (105°C 18h) 10-15%	Không phân nhóm	1,760,000	1,760,000	
81	N(1-Naphthyl) ethylene diamine dihydrochloride	Chai	chai 5g	1	Độ tinh khiết >= 97%	Không phân nhóm	2,200,000	2,200,000	
82	Platinum Cobalt Color Reference Solution 500CU	Chai	chai 500ml	2	Bước sóng 430nm, độ hấp thu 0.110-0.120 (ASTM D 1209-05)	Không phân nhóm	11,000,000	22,000,000	
83	Potassium chloride solution 3M	Chai	chai 250ml	1	Nồng độ 2.9-3.1mol/l	Không phân nhóm	880,000	880,000	
84	Potassium dichromate volumetric standard	Chai	chai 80g	1	Dạng bột	Không phân nhóm	3,850,000	3,850,000	

85	Potassium permanganate solution 0.1 N (0.02000M)	Chai	chai 1lít	2	Nồng độ 0.01990-0.02010mol/l	Không phân nhóm	2,750,000	5,500,000	
86	Silver nitrate 0,1N	Chai	chai 1lít	1	Nồng độ 0.0998-1.002 mol/l	Không phân nhóm	4,400,000	4,400,000	
87	Sodium Benzensulfochloramide	Kg		225	Hàm lượng $\geq 25\%$	Không phân nhóm	490,000	110,250,000	
88	Sodium hydroxide	Chai	chai 1kg	1	Độ tinh khiết $\geq 99.0\%$	Không phân nhóm	660,000	660,000	
89	Sodium hydroxide 0,1N	Chai	chai 1 lit	1	Nồng độ 0,0998-0.1002 mol/l	Không phân nhóm	770,000	770,000	
90	Sulfuric acid 0,1N	Chai	chai 1 lit	1	Nồng độ 0,0499-0.0501 mol/l	Không phân nhóm	880,000	880,000	
91	Triethanolamine	Chai	chai 250ml	1	Độ tinh khiết $\geq 99\%$	Không phân nhóm	4,400,000	4,400,000	
92	Tryptone soy Broth	Chai	Chai 500g	1	Dạng bột, pH (25°C) 7.1-7.5	Không phân nhóm	3,300,000	3,300,000	
93	Turbidity 4000 NTU	Chai	chai 500ml	1	Turbidity 4000 $\pm$ 30 NTU	Không phân nhóm	7,150,000	7,150,000	
94	Permethrine	Lít		460	Thành phần hoạt chất Permethrin $\geq 50\%$.	Không phân nhóm	858,000	394,680,000	
95	Bộ nhuộm pap'smear:	Bộ		9		Không phân nhóm	2,995,000	26,955,000	
	~ EA50	Chai	Chai 500ml		Dung dịch dạng lỏng, màu nâu, mùi cồn tự nhiên có thể hoà tan trong nước; thành phần: Ethyl Alcohol, Isopropyl Alcohol, Methyl Alcohol, Select Stains, nước, Glacial Acetic Acid			-	
	~ Hematoxin	Chai	Chai 500ml		dung dịch màu tím đậm không mùi, pH: 2,3-2,5; thành phần gồm: nước, Hemaloxysin, muối Aluminum, Select Glycots, Select Acid, chất bảo quản			-	
	~ OG6	Chai	Chai 500ml		Dung dịch dạng lỏng, màu cam, mùi cồn tự nhiên có thể hoà tan trong nước; thành phần: Ethyl Alcohol, Isopropyl Alcohol, Methyl Alcohol, Phosphotungstic Acid, Oăngge G, nước			-	
Tổng cộng: 95 mặt hàng								2,007,612,898	
<i>(Tổng cộng: Hai tỉ, không trăm lẻ bảy triệu, sáu trăm mười hai ngàn, tám trăm chín mươi tám đồng)</i>									